

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trần Ngọc Thịnh

Bà Đào Phương Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Thùy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Hạnh Ngân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-HPT ngày 20 tháng 01 năm 2022; T báo mở lại phiên tòa số 03/2022/TB – TA ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Ông Phạm Chí T, sinh năm 1966**

ĐKKH và Nơi ở: Số 1, phố C, phường H.T, quận H.K, Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T (đối với phần chia tài sản chung): Ông Vũ Ngọc Đức, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 4, ngách 58/44, phố Đ.T, phường C.V, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 6 năm 2021.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1971**

ĐKKH: Số 1, phố C, phường H.T, quận H.K, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 17, phố C, phường H.T, quận H.K, Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Chí T trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/5/1992 tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân nhiều năm nay, mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Cuối năm 2019, bà T đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở số 17 phố C để sinh sống. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 07/7/1992, đã thành niên, có gia đình riêng và Phạm Minh Q, sinh ngày 19/02/2004. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con đối với Phạm Ngọc A. Con Phạm Minh Q muốn ở với ai tùy con quyết định. Đến ngày Tòa án xét xử, con đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản, nhà đất: Vợ chồng có 01 căn hộ tại số 1 C, phường H.T, quận H.K, Thành phố Hà Nội. Là một phòng trên tầng 2, vách ngăn với các hộ bằng liếp cốt ép, diện tích khoảng 11,8m². Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đứng tên hai vợ chồng. Ông T có nguyện vọng để lại nhà cho các con khi ông chết và bản thân vẫn đang ở sinh sống tại nhà đó. Ông không yêu cầu Tòa án chia nhà đất này.

- Về vay nợ: Vợ chồng không cùng nhau vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T xác nhận lời khai của ông Phạm Chí T về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/5/1992 tại Ủy ban nhân dân phường H.T, quận H.K, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Ông T xin ly hôn, bà T đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho hai bên thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 07/7/1992, đã thành niên, có gia đình riêng và Phạm Minh Q, sinh ngày 19/02/2004. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con đối với Phạm Ngọc A. Con Phạm Minh Q hiện đang ở với bà, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Đến ngày Tòa án xét xử, con đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nhà đất chung: Vợ chồng có 01 căn hộ tại số 1 C, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Là một phòng trên Tg 2, vách ngăn với các hộ bằng liếp cốt ép, diện tích khoảng 11,8m². Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đứng tên hai vợ chồng. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết chia nhà đất này cho bà theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị được chia 40% giá trị căn nhà bằng tiền và yêu cầu ông T thanh toán số tiền cho bà một lần. Nếu ông T không có tiền thì bà sẽ thanh toán 60% số tiền giá trị căn nhà cho ông T và sở hữu căn nhà.

Về công nợ: Vợ chồng không vay vợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, tài sản là động sản. Đối với căn nhà chung, ông T cho rằng nguồn gốc căn nhà là do bố mẹ ông cho phần lớn tiền để mua, ông không đồng ý chia căn nhà này mà có nguyện vọng để lại cho các con sau khi ông chết đi. Ông muốn thanh toán cho bà T một số tiền nhưng không xác định được là bao nhiêu và hiện không có tiền để thanh toán một lần, do không có thu nhập ổn định. Bà T xác định nhà đất vợ chồng mua 13 cây vàng, mẹ ông T cho hai vợ chồng 9 cây vàng, số còn lại là do mẹ bà cho và tiền tích góp của hai vợ chồng. Bà T yêu cầu được chia 40% trị giá căn nhà, ông T thanh toán một lần. Nếu ông T không có tiền thì bà sẽ thanh toán cho ông T 60% giá trị căn nhà và nhận nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ pháp luật: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T.

Về con chung: Hai con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, nên không xét;

Về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận nên không xét;

Về nhà đất: Xác nhận ông T, bà T có 01 căn hộ Tg 2, diện tích khoảng 11,8m² tại số 1 C, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đứng tên hai vợ chồng, giá trị căn nhà được xác định là 923.752.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T nhận 40% giá trị căn nhà tương đương với 369.500.000 đồng, yêu cầu ông Phạm Chí T thanh toán cho bà T số tiền trên. Ông T có toàn quyền

sử dụng, sở hữu căn hộ và làm các thủ tục sang tên trong giấy chứng nhận khi đã thanh toán đầy đủ số tiền trên cho bà T.

Về công nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông T, bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Ông T, bà T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Chí T xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh T. Hai bên có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại địa chỉ: Số 1, phố C, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về Quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 5 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, hai bên nảy sinh bất đồng về quan điểm sống, lối sống, kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Ông T xin ly hôn, bà T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên.

- Về con chung: Ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T có 02 con chung là Phạm Ngọc Anh, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1992 và Phạm Minh Quân, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2004. Đến ngày Tòa án xét xử, các con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản (động sản): Ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về bất động sản: Ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T có 01 căn hộ Tg 2, diện tích 11,8m², tại số 1 phố C, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Căn hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà mang tên ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T số AD 517627 do UBND quận Hoàn Kiếm cấp ngày 05 tháng 9 năm 2005. Nhà

mua theo Nghị định 61 của Chính Phủ. Hội đồng định giá xác định giá trị căn hộ là 923.752.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà T không thỏa thuận được việc chia căn hộ trên. Bà T hiện có chỗ ở khác tại số 17, phố C, bà đề nghị được chia 40% giá trị căn hộ là 369.500.000 đồng và yêu cầu ông Phạm Chí T thanh toán một lần cho bà T số tiền trên. Ông T không đồng ý chia căn nhà và có nguyện vọng để lại cho các con, ông vẫn muốn sinh sống tại căn nhà đó do không có nơi ở nào khác. Ông không đồng ý thanh toán cho bà T số tiền 369.500.000 đồng do không có tiền.

Hội đồng xét xử xét: Căn hộ Tg 2, diện tích 11,8m² tại địa chỉ số 1 phố C, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội là tài sản chung vợ chồng giữa ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu chung. Hội đồng định giá tổ tụng đã xác định căn hộ có giá trị 923.752.000 đồng (Chín trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Mỗi bên có quyền được hưởng một nửa giá trị căn hộ. Do bà T đã có nơi ở khác và không muốn sử dụng chung căn hộ trên với ông T nên bà có nguyện vọng được chia bằng tiền 40% giá trị là 369.500.000 đồng. Nguyện vọng của bà T là chính đáng, hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Chia cho bà Nguyễn Thị Minh T một nửa căn hộ, có giá trị 369.500.000 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng). Chia cho ông Phạm Chí T một nửa căn hộ, có giá trị 554.252.000 đồng (Năm trăm năm mươi tư triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng). Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 369.500.000 đồng. Ông T có toàn quyền sử dụng, sở hữu căn hộ và có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục sang tên trong giấy chứng nhận khi đã thực hiện xong các nghĩa vụ tại phần Quyết định của bản án.

Về vay, nợ chung: Ông T, bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí : Ông T, bà T phải nộp án phí ly hôn, chia tài sản theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 33, 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T.

2/ Về con chung: Các con chung đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, Hội đồng xét xử không xét.

3/ Về tài sản chung:

- **Động sản:** Hai bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

- **Bất động sản:** Xác định căn hộ Tg 2, diện tích 11,8m² tại địa chỉ số 1 phố C, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, giá trị 923.752.000 đồng (Chín trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng), UBND quận Hoàn Kiếm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 517627 ngày 05 tháng 9 năm 2005 là tài sản chung vợ chồng giữa ông Phạm Chí T và bà Nguyễn Thị Minh T.

Chia cho bà Nguyễn Thị Minh T một nửa căn hộ, có giá trị 369.500.000 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

Chia cho ông Phạm Chí T một nửa căn hộ, có giá trị 554.252.000 đồng (Năm trăm năm mươi tư triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Buộc ông Phạm Chí T có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 369.500.000 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ông Phạm Chí T có toàn quyền sử dụng, sở hữu căn hộ và có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục sang tên trong giấy chứng nhận khi đã thực hiện xong các nghĩa vụ tại phần Quyết định của bản án.

4/ Vay nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xét.

5/ Về án phí: Ông Phạm Chí T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 26.170.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền dự phí số 0051167 ngày 24/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Ông T còn phải nộp 26.170.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp 18.475.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền dự phí số 0051282 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Bà T còn phải nộp 8.475.000 đồng.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TD TP. Hà Nội;
- VKS Quận Hoàn Kiếm;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CC Thi hành án Quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- UBND phường Hàng Trống;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

Nguyễn Thị Lệ Hằng